

Bản án số: 52/2017/HS-ST

Ngày: 20-12-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thế Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trọng Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2017/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tiến L, sinh năm 1976 tại huyện Q, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H (đã chết) và bà Đinh Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Thị S và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/6/2003 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2003.

Bị tạm giữ từ ngày 11/4/2017 đến ngày 20/4/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

2. Bùi Văn Đ, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1990 tại huyện T, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn

hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đăng S và bà Nguyễn Thị M; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 9/2011 đến tháng 01/2013 tại Lữ đoàn 26, Quân chủng phòng không không quân.

Bị tạm giữ từ ngày 11/4/2017 đến ngày 20/4/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

3. Nguyễn Thị H, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1996 tại huyện L, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng T và bà Đặng Thị N; Có chồng là Nguyễn Văn Đ và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 11/4/2017 đến ngày 20/4/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

4. Nguyễn Văn T, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1994 tại huyện Q, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị V; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 10/4/2017 đến ngày 13/4/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L:* Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (*Có mặt*)

- *Người có nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đỗ Hồng N – sinh năm 1993 (*Vắng mặt*)

TQ: Thôn C, xã Quỳnh S, huyện Q, tỉnh T

- *Người làm chứng: (Đều vắng mặt)*

1. Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1993

TQ: Thôn C, xã Quỳnh S, huyện Q, tỉnh T

2. Chị Hoàng Linh P – sinh năm 1977

TQ: Thôn N, xã C, huyện T, thành phố H

3. Anh Đào Văn M – sinh năm 1980

TQ: xã P, huyện Đ, tỉnh T

4. Anh Phạm Xuân T – sinh năm 1992

TQ: Tổ 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ ngày 11/4/2017, tại trước cửa phòng 404 khách sạn L, thuộc địa phận tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) Công an tỉnh T phát hiện Nguyễn Tiến L có biểu hiện liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi Công an yêu cầu hợp tác làm việc, L đã lấy trong túi quần phía bên trái đang mặc ra giao nộp 02 túi nilon trong suốt viền màu vàng, kích thước khoảng 05x10 cm, bên trong 02 gói đều chứa các hạt dạng tinh thể trong suốt. L khai nhận đó là ma túy đá L mua về để sử dụng và tìm người mua để bán kiếm lời. Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ tại túi quần phía bên trái L đang mặc 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng; thu tại túi quần hậu bên phải 01 ví giả da màu nâu, bên trong có 3.800.000 đồng.

Trước đó, hồi 13 giờ ngày 10/4/2017, tại khu vực thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Công an huyện Q bắt quả tang Nguyễn Văn T bán trái phép 01 túi ma túy đá cho Đỗ Hồng N với giá 300.000 đồng. T khai khoảng 12 giờ 45 phút ngày 10/4/2017 T đã mua túi ma túy đá trên của Nguyễn Tiến L ở cửa phòng 303 nhà nghỉ M, thuộc thôn P, xã D, huyện H, tỉnh T.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 10/4/2017, Công an huyện Q thực hiện lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tiến L ở phòng 303 nhà nghỉ M. Cơ quan Công an phát hiện Bùi Văn Đ vừa từ phòng 303 nhà nghỉ M đi ra và Nguyễn Thị H đang ở trong phòng 303 nhà nghỉ M có biểu hiện liên quan đến ma túy. Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, thu trong túi nilon Đ đang xách trên tay phải 04 túi nilon trong suốt, bên trong chứa các hạt dạng tinh thể trong suốt. Đ khai là ma túy đá, khoảng 12 giờ ngày 10/4/2017 Đ đã xin số ma túy trên của Nguyễn Tiến L để sử dụng và bán kiếm lời; được L đồng ý nên Đ vừa lấy từ trong hộp phấn trang điểm do H quản lý. Thu trong túi giả da của Nguyễn Thị H 01 vỏ hộp phấn trang điểm bên trong có 10 túi nilon trong suốt, bên trong chứa các hạt dạng tinh thể trong suốt. H khai là ma túy đá của L gửi H giữ hộ, khi nào có khách mua thì L sẽ gọi về để H bán. Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu trong phòng 303 nhà nghỉ M 01 túi nilon bên trong có 66 vỏ túi nilon nhỏ, 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế, quản lý của Đ và H một số điện thoại di động và tài sản khác.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ và Nguyễn Thị H đều khai nhận: Khoảng 01 tháng trước khi bị bắt L ngồi uống nước tại khu vực Quảng

trường gần chân Cầu B thành phố T thì gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi giống người nghiện ma túy, L không biết tên, địa chỉ. Người đàn ông và L nói chuyện xã giao, khi nói về ma túy, người đàn ông cho L số điện thoại và bảo: “*Đây là số điện thoại của người phụ nữ; muốn mua ma túy đá thì gọi, nói cho 01 lệnh nước, người bên kia đồng ý hẹn ở đâu thì đến đó lấy*”. Thấy vậy L lưu số điện thoại và đặt tên trong danh bạ là Nguyệt cho dễ nhớ. Tối ngày 09/4/2017, L điện vào số điện thoại trên và hỏi mua 01 lệnh nước, ý hỏi mua 01 lạng ma túy đá thì đầu bên kia đồng ý và nói giá 34.000.000 đồng rồi hẹn khoảng 09 giờ ngày 10/4/2017 có mặt tại đầu đường cao tốc H - H sẽ giao hàng. Khoảng 7 giờ ngày 10/4/2017, L mang số tiền đã chuẩn bị và điều khiển xe ô tô đi đến địa điểm hẹn. Khoảng 8 giờ 30 phút, L đến điểm hẹn và dừng xe chờ ở cạnh đường, L thấy 01 người phụ nữ bật mặt từ dưới đường dân sinh đi lên hỏi “*Có phải anh mua nước không*” L nói “*Phải*”, người đó nói “*Tiền đâu, chuẩn bị đủ chưa*”, L nói “*đầy đủ rồi*” và đưa tiền cho người phụ nữ đếm, khi đếm xong người phụ nữ đi ra cách chỗ xe ô tô khoảng 10m và lấy 01 túi nilon màu đen để dưới chân dải chắn lề đường cầm đến đưa L; L nhận và kiểm tra thấy bên trong có 02 túi ma túy đá, đồng thời L xin 01 số vỏ túi nilon nhỏ rồi đi về T.

Khoảng 10 giờ ngày 10/4/2017, L mang số ma túy đá về phòng 303 Nhà nghỉ M, lúc đó trong phòng không có ai, L lấy 02 túi ma túy đá vừa mua được rồi bót mỗi túi 01 ít để chia ra T 15 túi nhỏ, sau đó L cho 14 túi ma túy đá vừa chia được vào 01 bao thuốc lá 555 đã hết, còn 02 túi ma túy đá to và 01 túi ma túy nhỏ còn lại L để trong túi quần. Sau khi chia xong thì H về phòng, Đ cũng đến. Khoảng hơn 11 giờ khi đang ở trong phòng L đưa 01 bao thuốc lá có chứa 14 túi ma túy đá cho H và bảo cất đi nếu có ai hỏi mua L sẽ điện thoại về cho H giao rồi lấy tiền, thấy vậy Đ hỏi “*Mai bên nhà em có hội làng, cho em xin ít về sử dụng*”, L đồng ý và nói lấy chỗ H.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn T điện thoại hỏi mua 01 túi ma túy đá giá 300.000 đồng, L đồng ý và bảo đến Nhà nghỉ M, sau đó H đi tắm còn L lấy 01 túi ma túy đá nhỏ ở trong túi quần ra quần băng dính đen bên ngoài và mở cửa phòng để túi ma túy đá dưới tấm thảm trước cửa phòng với mục đích để bán cho T. Khoảng 15 phút sau, T gọi điện nhưng L không nghe, T gõ cửa nói “*Cháu T đây, chú bán cho cháu túi 300.000 đồng*”, L nói “*đút tiền qua khe cửa*”, T đút 300.000 đồng qua khe cửa cho L, L nhận tiền và nói “*hàng chú để dưới tấm thảm trước cửa*”, T lấy túi ma túy đá rồi đi về.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ hỏi H: “*Ma túy của anh L đâu, đưa cho anh*”; H đưa Đ 01 hộp phần bên trong có đựng các túi ma túy đá, Đ cầm và lấy 04 túi ma túy đá cho vào 01 túi nilon và trả lại hộp phần đựng ma túy cho H, H nhận lại và cho vào túi xách của H. Hơn 21 giờ cùng ngày Đ ra về, đến hành lang nhà nghỉ thì Công an huyện Q yêu cầu trở lại phòng kiểm tra làm rõ vì nghi Đ liên quan đến ma túy và thực hiện lệnh khám xét phòng 303 là chỗ ở của Nguyễn Tiến L.

Đến khoảng 21 giờ ngày 10/4/2017, L hẹn và đón bạn gái là chị Hoàng Linh P đi chơi ăn uống đến khoảng 02 giờ 55 phút ngày 11/4/2017 hai người đến khách sạn L thuộc tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh T để thuê phòng nghỉ. Khi L và chị P đang đi lên phòng ở tầng 4 thì cơ quan Công an tỉnh T vào bắt quả tang L về hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trong người. L khai số ma túy tàng trữ trong người, mục đích để bán kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị bắt.

Nguyễn Văn T khai nhận: Khoảng 12 giờ 15 ngày 10/4/2017, T đang đứng chơi ở cây xăng chợ Cầu xã Q, huyện Q, tỉnh T thì Đỗ Hồng N đến hỏi T mua 300.000 đồng tiền ma túy đá, T đồng ý và nhận 300.000 đồng N đưa. Do T quen và biết Nguyễn Tiến L đang thuê phòng 303 Nhà nghỉ M có sử dụng ma túy đá, T điện thoại cho L hỏi mua 01 túi ma túy đá 300.000 đồng, L nghe máy và bảo T đến phòng 303. T đi đến cửa phòng 303 gọi điện cho L nhưng L không nghe, T gõ cửa và nói “*chú L ơi, cháu T đây, chú bán cho cháu túi 300.000 đồng*”; L nói vọng ra: “*Đút tiền qua khe cửa cho chú*” T liền đút 300.000 đồng qua khe cửa cho L, L nhận tiền và nói: “*hàng chú để dưới tấm thảm trước cửa phòng*”; T lật tấm thảm và cầm túi ma túy đá quấn băng dính đen cho vào túi mang về. Trên đường về T có ý định bớt túi ma túy đá vừa mua một ít để dùng cho bản thân, nhưng sau nghĩ N và N là chỗ quen nên T không bớt và cầm về bán cho N, khi N nhận túi ma túy đá trên thì bị cơ quan Công an huyện Q phát hiện bắt giữ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Kết luận giám định số 119/KLGD- PC54 ngày 11/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận về số ma túy thu của Nguyễn Tiến L: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 102,1830 gam*”.

Bản kết luận giám định số 120/KLGD- PC54 ngày 11/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận về số ma túy đựng trong 04 túi nilon thu của Đ (ký hiệu M1) và số ma túy đựng trong 10 túi nilon thu của H (ký hiệu M2): “*Mẫu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng là 1,4223 gam; Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng là 1,1038 gam*”.

Kết luận giám định số 118/KLGĐ ngày 10/4/2017 của phòng của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: “*Mẫu gửi giám định thu của Đỗ Hồng N là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,1975 gam*”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 46/KSĐT ngày 31/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đề nghị:

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tiến L từ 16 đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn Đ từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị H từ 02 năm 6 tháng tù đến 3 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L phát biểu quan điểm bào chữa: Luật sư nhất trí với quan điểm của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Tiến L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự, tuy

nhiên mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có phần nghiêm khắc. Bị cáo sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, áp dụng T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Tiến L đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư và không bổ sung gì T.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, là chứng cứ buộc tội lẫn nhau; phù hợp với lời khai của người có nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Hồng N (BL 506 - 513); và lời khai của những người làm chứng (BL 514 – 518; 410 – 415; 402 – 409)...

Ngoài ra còn được chứng minh bằng những T liệu, chứng cứ sau:

- Các Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản niêm phong vật chứng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Công an huyện Q, tỉnh T lập ngày 10/4/2017 và 11/4/2017;

- Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh T lập hồi 21 giờ 30 phút ngày 10/4/2017 tại Nhà nghỉ M, xã D, huyện H, tỉnh T (BL 142)

- Các bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự;

Cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 10/4/2017, Nguyễn Tiến L đã có hành vi mua 104,9066 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 34 triệu đồng mang về chia nhỏ thành nhiều túi với mục đích bán kiếm lời. L đưa cho Nguyễn Thị H 14 túi có trọng lượng 2,5261 gam Methamphetamine để cất giữ và bán, trong số đó Bùi Văn Đ lấy 04 túi có trọng lượng 1,4223 gam để sử dụng và gặp khách thì bán, nhưng chưa kịp bán thì Đ và H bị bắt giữ. Khoảng 12 giờ 45 phút 10/4/2017, Nguyễn Tiến L đã bán cho Nguyễn Văn T 0,1975 gam Methamphetamine với giá 300.000 đồng, khi T đang bán cho Đỗ Hồng N số ma túy đá trên thì T bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, tỉnh T phát hiện, bắt quả tang. Số ma túy còn lại có trọng lượng 102,1830 gam L cất giữ trong người, đến 03 giờ ngày 11/4/2017 thì bị bắt giữ.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến L đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Điều 194. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

....

3. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ M năm đến hai mươi năm:

....

e) Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ T sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa P. Methamphetamine nói riêng và ma túy nói chung đã trở thành vấn nạn nhức nhối cho toàn xã hội. Bản thân người sử dụng sẽ bị hủy hoại về sức khỏe, tinh thần bị rối loạn, giảm khả năng lao động, học tập, nhân cách bị tha hóa. Tệ nạn ma túy còn là mầm mống phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Biết được tác hại rất lớn của ma túy nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật và đạo đức xã hội mua bán, tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Vì vậy cần phải áp dụng với các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ và Nguyễn Thị H là đồng phạm, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo, khi lượng hình cần đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội cũng như vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để lên một mức án phù hợp. Cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Tiến L là người trực tiếp mua ma túy về chia nhỏ thành nhiều túi, trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Văn T, là người đưa cho Nguyễn Thị H cất giữ 14 túi ma túy đựng trong túi nilon nhỏ và giao cho khách khi có điện thoại của L, là người giữ vai trò chính trong vụ án và chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác. Số lượng ma túy bị cáo L mua bán có trọng lượng trên 100gam loại Methamphetamine nên phải bị xét xử theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị H là người được Nguyễn Tiến L giao cất giữ 2,5261 gam Methamphetamine để giúp L bán kiếm lời, Bùi Văn Đ biết về việc mua bán ma túy của Nguyễn Tiến L, lấy từ Nguyễn Thị H 04 túi Methamphetamine có trọng lượng 1,4223 gam để sử dụng và bán kiếm lời, do đó các bị cáo đồng phạm với Nguyễn Tiến L về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với vai trò giúp sức và có vai trò thấp hơn L. Số ma túy các bị cáo giúp bị cáo L bán không lớn nên chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi mua ma túy của L và bán lại cho một người khác, số lượng ma túy T mua bán nhỏ nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự và cần áp dụng hình phạt thấp hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

[7] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Riêng bị cáo Nguyễn Tiến L là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt T sản*”, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện bị cáo chưa có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Văn Đ có thời gian tham gia nghĩa vụ từ tháng 9/2011 đến tháng 01/2013, nên được áp dụng T tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo các T liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn T là lao động tự do, có thu nhập nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời, do đó cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Thị H không có thu nhập ổn định, một mình phải nuôi hai con nhỏ, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo H.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý:

- 100,9130 gam Methamphetamine đựng trong phong bì niêm phong ghi số 119/KLGD; 1,2983gam Methamphetamine mẫu M1 và 1,0423 gam Methamphetamine mẫu M2 đựng trong 02 (hai) phong bì niêm phong ghi số 120/KLGD; 0,1590 gam Methamphetamine đựng trong phong bì niêm phong ghi số 118/KLGD, toàn bộ số ma túy thu giữ được hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Iphone màu xám đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến L và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Nguyễn Văn T là P tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc về việc mua bán ma túy, xác định là P tiện phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đồng đã cũ, 01 điện thoại di động Masstel màu trắng của bị cáo Bùi Văn Đ, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 3 màu trắng của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến L, 01 ví màu nâu và số tiền 3.800.000 đồng của Nguyễn Tiến L, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại bị cáo.

- 01 túi xách; 01 hộp đựng phân; 01 bình sử dụng ma túy đá tự chế; 01 túi nilon bên trong có 66 túi nilon nhỏ, đây là những vật chứng liên quan đến việc phạm tội, không có giá trị sử dụng, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, T sản thi hành án ngày 01/11/2017 và Biên lai thu tiền số 0008559 ngày 01/11/2017.

[10] Trong quá trình điều tra, ban đầu các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ và Nguyễn Thị H khai trước khi bị bắt, Đ và H đã có hai, ba lần bán hộ ma túy cho L; nhưng vì đã lâu nên cả ba đều không nhớ cụ thể thời gian, địa điểm, số lượng ma túy, người mua ma túy là ai. Sau đó các bị cáo thay đổi lời khai, không nhận đã từng bán hộ ma túy cho L. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không đủ căn cứ để xác định trước khi bị bắt Đ và H đã có lần bán hộ ma túy cho L. Ngoài ra, L thừa nhận thỉnh thoảng cho Đ, H ma túy đá để sử dụng; Đ, H cũng thừa nhận có sử dụng ma túy đá và thỉnh thoảng được L cho. Tuy nhiên, cả ba đều khai Đ, H tự ý sử dụng lúc nào, ở đâu, L không biết và do đã lâu nên Đ, H không nhớ thời gian, địa điểm sử dụng. Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

[11] Về nguồn gốc số Methamphetamine của Nguyễn Tiến L: L khai giao dịch qua điện thoại mua của 01 người phụ nữ (*không rõ tên, tuổi, địa chỉ*) tại khu vực đầu đường cao tốc H - H thuộc thành phố H. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, rút list, tên, địa chỉ của số điện thoại 01645968784 của người phụ nữ bán ma túy. Kết quả số điện thoại trên là đăng ký mang tên Bùi Văn H, sinh năm 1968, trú tại phường 3, Quận 3, thành phố H. Cơ quan điều tra đã ủy thác cho Công an thành phố H tiến hành xác minh, lấy lời khai của ông Hải nhưng ông Hải đã chết ngày 22/7/2017 nên không có căn cứ để tiếp tục điều tra, xác minh.

[12] Đối với Đỗ Hồng N và Nguyễn Văn N là người đi cùng N để mua ma túy, Cơ quan Công an tỉnh T có đủ căn cứ kết luận N là người mua 0,1975 gam Methamphetamine của Nguyễn Văn T với mục đích về sử dụng, nhưng do số lượng ma túy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan Công an huyện Q đã xử phạt hành chính đối với Đỗ Hồng N và Nguyễn Văn N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13] Đối với chị Hoàng Linh P là người đi cùng Nguyễn Tiến L ngày 11/4/2017, quá trình điều tra xác định chị P là bạn gái của L quen trên mạng xã hội faceBok. Ngày 10/4/2017, L hẹn chị P sang T để đi chơi và đến khách sạn L để nghỉ qua đêm. Chị P không biết L cất giấu trái phép chất ma túy trong người nên không có căn cứ để xử lý đối với chị P.

[14] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

[2] Về hình phạt:

1- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Tiến L 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt bổ sung bị cáo L 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

2- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Bùi Văn Đ 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017. Phạt bổ sung bị cáo Đ 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

3- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 45; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Thị H 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017.

4- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2017. Phạt bổ sung bị cáo T 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 100,9130 gam Methamphetamine đựng trong phong bì niêm phong ghi số 119/KLGD; 1,2983gam Methamphetamine mẫu M1 và 1,0423 gam Methamphetamine mẫu M2 đựng trong 02 (hai) phong bì niêm phong ghi số 120/KLGD và 0,1590 gam Methamphetamine đựng trong phong bì niêm phong ghi số 118/KLGD thu của anh Đỗ Hồng N, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã Quỳnh S, huyện Q, tỉnh T.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu xám đã qua sử dụng của Nguyễn Tiến L và 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Nguyễn Văn T.

- Trả lại Bùi Văn Đ 01 điện thoại di động Samsung màu đồng đã cũ, 01 điện thoại di động Masstel màu trắng.

- Trả lại Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 3 màu trắng.

- Trả lại Nguyễn Tiến L 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tiến L, 01 ví màu nâu và số tiền 3.800.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách; 01 hộp đựng phấn; 01 bình sử dụng ma túy đã tự chế; 01 túi nilon bên trong có 66 túi nilon nhỏ.

Những vật chứng trên đã được Cục thi hành án dân sự tỉnh T quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, T sản thi hành án ngày 01/11/2017 và Biên lai thu tiền số 0008559 ngày 01/11/2017.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Tiến L, Bùi Văn Đ, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/12/2017. Người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo –trại tạm giam;
- VKSND tỉnh T;
- Người liên quan;
- CA tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Lý

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các bị cáo –trại tạm giam;
- VKSND tỉnh T;
- CA tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tô Thị Lý

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Các hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Ngô Thanh Mai

Nơi nhận:
THẨM

- Bị cáo – Trại giam;
- VKSND tỉnh T;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần N Mẫn

